

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 393/2020/DS-ST
Ngày: 23/12/2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Vũ Bình
2. Ông Lê Văn Rở

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2020/TLST - DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2020/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà L, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Chị T, sinh năm 1983; Địa chỉ: 244/2 tổ 8, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà B, sinh năm 1946

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Chị T, bà B có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 8 năm 2020 của bà L và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị T là người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 12/4/2017, bà L có cho bà B vay số tiền 48.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, thời hạn vay đến ngày 12/7/2017. Bà B có viết biên nhận cho bà L. Tuy nhiên từ khi vay tiền đến nay thì bà B không trả tiền lãi cũng như tiền vốn gốc cho bà L. Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà B trả tiền nhưng bị đơn cứ hẹn mà không thực hiện.

Nay bà L yêu cầu bà B trả nợ với số tiền vốn là 48.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi thì bà L rút lại yêu cầu.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà B trình bày:*

Bà thừa nhận có vay của bà L số tiền 48.000.000 đồng nhưng vay làm nhiều lần chứ không phải vay một lần. Bà cũng đã trả tiền lãi cho bà L, đã trả được số tiền vốn là 25.000.000 đồng chỉ còn nợ lại 23.000.000 đồng. Đối với biên nhận do bà L cung cấp thì bà không nhớ chính xác có phải chữ ký của bà hay không. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà L bà đồng ý trả cho bà L số tiền 23.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà L yêu cầu bà B trả số tiền vay còn nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà L khởi kiện yêu cầu bà B trả tiền nợ đã vay là 48.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà L là giấy biên nhận do bà L cung cấp có bà B ký tên. Mặc dù bà B không xác định chính xác được chữ ký trong giấy biên nhận có phải của mình hay không nhưng bà B thừa nhận có vay tiền của bà L số tiền 48.000.000 đồng. Có đủ cơ sở xác định giữa bà L với bà B đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bà B trình bày đã trả được cho bà L số tiền 25.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh và phía bà L cũng không thừa nhận, do đó lời trình bày của bà B không có căn cứ để chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử xác định bà B còn nợ bà L số tiền nợ gốc là 48.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Xét thấy bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà B trả cho bà L số tiền vốn là 48.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên tòa, chị T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc bà B trả cho bà L số tiền nợ gốc là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L cho đến khi thi hành án xong, bà B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà L đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 48.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Bà B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.400.000 đồng

Bà L được miễn tiền tạm ứng án phí do là người cao tuổi.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vĩnh Lộc